

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2022

V/v ly hôn giữa anh H và chị Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Ông Nguyễn Văn Thuật

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên trung cấp;

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **La Văn H**, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Ch, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: **Nông Thị Th**, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ch, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ph, xã Vân S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh La Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Nông Thị Th vào năm 2008, việc kết hôn trên

cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/4/2008 tại UBND xã An L (nay là xã Vĩnh A), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ tháng 2/2016, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 8/2017, chị Thảo bỏ về quê ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay.

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Th được ly hôn.

Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu La Văn Kh, sinh ngày 02/9/2008 và cháu La Mỹ U, sinh ngày 21/01/2011. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Tại bản tự khai ngày 18/11/2021, bị đơn là chị Nông Thị Th trình bày: Chị xác nhận anh H trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng; Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2016, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, anh H thường ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi, đánh nhau. Tháng 10/2016, chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn Ph, xã Vân S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng nên anh H xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu La Văn Kh, sinh ngày 02/9/2008 và cháu La Mỹ U, sinh ngày 21/01/2011. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh H. Vợ chồng ly hôn, các cháu ở với ai là theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu muốn ở cùng anh H thì chị cũng đồng ý. Nếu các cháu có nguyện vọng ở cùng chị thì chị sẽ nuôi dưỡng.

Chị Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

3. Tại biên bản lấy lời khai các con của anh H, chị Th, ngày 19/11/2021, cháu La Văn Kh và cháu La Mỹ U đều trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở cùng với anh La Văn H.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị Nông Thị Th là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là đúng quy

định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh La Văn H và chị Nông Thị Th được ly hôn nhau; về con chung: Giao cả hai con chung là cháu La Văn Kh, sinh ngày 02/9/2008 và cháu La Mỹ U, sinh ngày 21/01/2011 cho anh H nuôi dưỡng. Miễn án phí ly hôn cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh La Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn chị Nông Thị Th, có nơi ĐK HKTT: Thôn Ch, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, chỗ ở hiện nay: Thôn Ph, xã Vân S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Th có nơi cư trú rõ ràng, nhưng chị Th cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; có cơ sở xác định chị Th đã nhận được hoặc biết được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Do chị Thảo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn H và chị Nông Thị Th kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh A, huyện Sơn Động vào ngày 26/4/2008. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Th là hợp pháp; nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, anh xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc tới nhau. Căn cứ vào lời khai của chị Th, lời trình bày của ông Nông Văn L (bố đẻ chị Th), kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở khẳng định anh H, chị Th đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được;

Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị Th có hai người con chung là cháu La Văn Kh, sinh ngày 02/9/2008 và cháu La Mỹ U, sinh ngày 21/01/2011. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị Thảo phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh H, chị Th sống ly thân nhau, cháu La Văn Kh và cháu La Mỹ U chủ yếu do anh H nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H vẫn đảm bảo cho các cháu được ăn học đầy đủ. Chị Th đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con, mặt khác chị Th cũng đồng ý việc nuôi dưỡng con là theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy, cần giao cả cháu Kh và cháu U cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển ổn định và cũng phù hợp với mong muốn của các cháu là được ở cùng với anh H.

[4] Về án phí: Anh H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do anh H là dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, anh H đã có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên cần xem xét miễn án phí cho anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh La Văn H và chị Nông Thị Th

2. Về con chung: Giao anh La Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu La Văn Kh, sinh ngày 02/9/2008 và cháu La Mỹ U, sinh ngày 21/01/2011. Chị Nông Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở chị Th quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho anh La Văn H.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Vĩnh A
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng